

Số: 155/QĐ-ĐHKT-TCKT

Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019  
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Quyết định số 88/2018/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của Bà Kế toán trưởng,

### QUYẾT ĐỊNH:

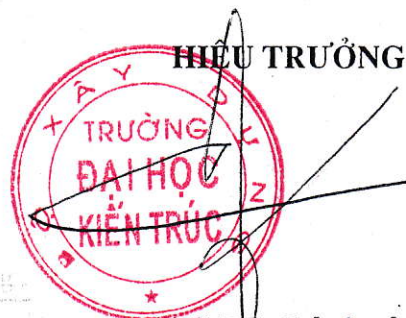
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (*phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Tổng hợp, Kế toán trưởng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT-TH, TCKT.



PGS.TS. Lê Quân

Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 2019

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy  
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày tháng... năm 2018 của Bộ Tài chính sửa  
Trường đại học kiến trúc Hà Nội, công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách  
6 tháng đầu năm 2019, như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<i>Chi sự nghiệp.....</i>				
	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>64,775</b>	<b>33,162</b>	<b>51.20</b>	
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	64,775	33,162	51.20	
1.1	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>64,775</b>	<b>33,162</b>	<b>51.20</b>	
	Kinh phí hoạt động tự chủ	61,324	33,162	54.08	
	KP miễn, giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP	3,296	0	0.00	
	KP hỗ trợ chi phí học tập theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg	155	0	0.00	
1.2	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>				
	Nâng cấp cơ sở vật chất				
	Nhiệm vụ hợp tác đào tạo lưu học sinh Lào Campuchia				
	Tình giãn biên chế				
1.3	<b>Vốn đầu tư</b>				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				



	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp trọng điểm</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ hoạt động kinh tế				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp</b>				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				